TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BL** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2024/HS-ST Ngày 13-3-2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hoa

Bà Lương Thị Nụ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nông Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Bế Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Văn Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày 26/6/1986 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm ĐS, xã NQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Cam Thị T (đã chết); vợ: Ma Thị N; con: 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: 01, ngày 04/12/2023, Uỷ ban nhân dân xã VP, huyện BL, tỉnh Cao Bằng xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; nhân thân: Bản án số 05/2024 ngày 12/3/2024, Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật); bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác từ ngày 14/12/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Bị hại: Trương Văn T, sinh ngày 25/5/2001; Nơi cư trú: xóm NB, xã MA, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/11/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL nhận được đơn trình báo của anh Trương Văn T, trú tại xóm NB, xã MA, huyện BL trình báo về việc khoảng 5 giờ 30 phút ngày 10/11/2023, anh đi xe máy từ nhà đến Trung tâm y tế huyện BL để đưa cơm cho vợ đang điều trị, đến nơi, anh dựng xe ở cổng. Sau khi đưa cơm cho vợ xong, đến khoảng 6 giờ 20 phút anh quay lại chỗ để xe thì phát hiện xe bị mất.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện BL đã xác định được: Tối ngày 09/11/2023, Lê Văn Đ đi lang thang rồi ngủ lại tại cổng Trung tâm y tế huyện BL, tỉnh Cao Bằng thuộc khu 2, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Đến khoảng 06 giờ ngày 10/11/2023, Đ tỉnh dậy, Đ nhìn xung quanh thấy có 01 xe máy YAMAHA SIRIUS có biển kiểm soát 49D1-xxx đang dựng trước cổng Trung tâm y tế, Đ thấy không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy bán lấy tiền để đi đến thành phố HP làm thuê. Đ tiến đến vị trí để chiếc xe máy và ngồi lên xe, quan sát thấy đường dây nổ được đấu nối lộ ra bên ngoài, Đ biết, xe này không cần chìa khóa vẫn nổ được khi hai đầu dây này được đấu nối, Đ tiến hành đạp nổ để khởi động xe và lùi xe xuống đường Quốc lộ 34, di chuyển về hướng trung tâm thị trấn PM tìm chỗ bán xe. Đ đi qua trung tâm thị trấn đến đầu cầu NQ thuộc địa phận khu 4, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng thì xuống xe và tháo biển kiểm soát cất giấu vào trong cốp xe. Đ tiếp tục điều khiển xe đến xóm NP, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng rồi đi vào gạ bán cho một người đàn ông với giá là 1.000.000 đồng thì người đàn ông này hỏi: "Thế có giấy tờ gì không?", Đ nói: "Không có giấy tờ, không có biển gì hết, giấy tờ và biển mất lâu rồi, xe này của em". Người đàn ông vẫn đồng ý mua nhưng phải đi thử mới trả tiền, sau khi đi thử xong, người đàn ông đồng ý mua xe với giá 850.000 đồng. Vợ người đàn ông cũng có mặt nhìn thấy và biết. Đ bỏ khẩu trang che mặt ra và nói "Nếu anh không tin là xe của em thì em bỏ khẩu trang ra để xem mặt". Đ nhận tiền, mở cốp xe, lấy biển kiểm soát ra và mang đi cất giấu tại một cột điện gần đó, rồi đi xe khách đến thành phố HP làm thuê. Còn người đàn ông mang chiếc xe đến hiệu sửa xe máy để tháo lấy phần động cơ, các bộ phận còn lại của xe đều cho chủ sửa xe để thay cho tiền công tháo máy.

Bản kết luận định giá tài sản số 135/KL-HĐĐGTS ngày 20/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện BL kết luận: Xe máy YAMAHA SIRIUS, có biển kiểm soát 49D1-xxx có trị giá là 3.500.000 đồng.

Ngày 14/12/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL bắt quả tang Đ về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý và bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL xử lý trong một vụ án khác. Đối với số tiền 850.000 đồng có được do bị cáo bán xe, bị cáo đã tiêu xài hết.

Các bộ phận của xe đã thu giữ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL đã trả lại cho bị hại Trương Văn T. Tụa đã mang các bộ phận đến cửa hàng sửa chữa xe máy để lắp lại như ban đầu, tiền công lắp lại do người đàn ông mua xe chi trả. Bị hại Tụa không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Người mua xe YAMAHA SIRIUS biển kiểm soát 49D1-xxx với Đ là Nguyễn Văn C và vợ là Trương Thị Thanh T. Trước khi mua xe C, T và bị cáo Đ không hứa hẹn trước, khi mua xe C và T không biết chiếc xe máy là tài sản do Đ thực hiện hành vi phạm tội mà có. Do vậy, C và T không phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự. C không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền mua chiếc xe máy và tiền công lắp lại chiếc xe máy như ban đầu để trả cho bị hại.

Với các chứng cứ nêu trên, bản Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 23/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và thừa nhận nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL truy tố bị cáo là đúng, bị cáo xin lỗi bị hại. Bị hại khai như nội dung vụ án, đã nhận lại được chiếc xe máy, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên trình bày quan điểm luận tội: Giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo Lê Văn Đ, đồng thời, phân tích hành vi, vai trò, nhân thân, điều kiện phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Về trách nhiệm hình sự, đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội Trộm cắp tài sản; Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đ từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đề nghị xem xét; Về án phí: Tại phiên toà bị cáo có đơn xin miễn án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận, nhất trí với tội danh, điểm, khoản mà Viện kiểm sát nhân dân huyện BL đã truy tố và luận tội đối với bị cáo Đ. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự; Từ đó, đề nghị cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt là 06 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo lao động tự do, thuộc hộ cận nghèo, không có tài sản; Về án phí, đề nghị miễn án phí cho bị cáo theo điểm đ, khoản 1, Điều 12

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, về tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tại phiên toà bị hại có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật; Về tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận; Do bị cáo có nhân thân xấu, nghiện ma tuý, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị đối với bị cáo Đ.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện BL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên toà bị cáo giao nộp đơn xin miễn án phí phù hợp với quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 61 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 6 giờ ngày 10/11/2023 tại khu 2, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, bị cáo Lê Văn Đ đã lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 xe máy YAMAHA SIRIUS biển kiểm soát 49D1-xxx có trị giá 3.500.000 đồng của anh Trương Văn T. Hành vi của bị cáo Đ đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:"

Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng

truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Đồng phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Vụ án chỉ do một mình bị cáo thực hiện, không có đồng phạm. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo tuy có tính chất ít nghiêm trọng nhưng cũng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi của bị cáo gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, cần thiết phải xử phạt bị cáo thật nghiêm theo đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên, cần xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền sự, ngày 04/12/2023, bị cáo bị Uỷ ban nhân dân xã VP, huyện BL, tỉnh Cao Bằng xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo nghiện ma tuý, ngày 12/3/2024, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo Bản án số 05/2024 (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật); Do vậy, Hội đồng xét xử xác định bị cáo có nhân thân xấu.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên toà, bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Người bào chữa đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" theo điểm i, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng, ngày 12/3/2023, bị cáo bị Toà án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng kết án về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, bị xử phạt 1 năm 06 tháng tù, do đó, bị cáo không đủ điều kiện để được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này, đề nghị của người bào chữa không có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Bị cáo trộm cắp tài sản trị giá 3.500.000 đồng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên chỉ cần xử phạt bị cáo ở nửa đầu khung hình phạt nhưng dù có được giảm thế nào thì mức hình phạt 06 tháng tù theo đề nghị của người bào chữa cũng là quá nhẹ nên không được chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng, vì vậy, không áp

dụng hình phạtbổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Vật chứng là các bộ phận của xe, đã được Cơ quan cảnh sát điều tra xử lý, trả lại cho bị hại Trương Văn T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về các vấn đề khác: Nguyễn Văn C và vợ là Trương Thị Thanh T là người đã mua xe YAMAHA SIRIUS biển kiểm soát: 49D1-xxx do Đ trộm cắp, tuy nhiên C và T không biết chiếc xe máy là tài sản do Đ thực hiện hành vi trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL không xử lý hình sự đối với C và T là đúng.

[12] Về án phí hình sự: Theo quy định tại khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, bị cáo là người bị bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Nhưng xét đơn xin miễn án phí của bị cáo giao nộp tại phiên toà, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên bị cáo được miễn án phí theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Đề nghị người bào chữa là phù hợp, được chấp nhận.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[14] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; Đề nghị của người bào chữa về các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, án phí hính sự đã được Hội đồng xét xử nhận định ở trên; Đề nghị trong lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ, phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 01 (một) năm tù. Không phạt bổ sung bị cáo.

3. Về án phí hình sự: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Miễn án hình hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Văn Đ.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hìnhsự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 LuậtThi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện BL;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Công an huyện BL;
- Cơ quan THAHS Công an huyện BL;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim